

Số: 06 /2007/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 02 năm 2007.

QUYẾT ĐỊNH

Quy định định mức chi, công tác quản lý, sử dụng kinh phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 1 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật đất đai và Nghị định số 187/2004/NĐ-CP về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 116/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2004 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 69/2006/TT-BTC ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 116/2004/TT-BTC ngày 07/12/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang tại Tờ trình số 132/TTr-STC ngày 23 tháng 01 năm 2007 về việc đề nghị Ban hành định mức chi, công tác quản lý, sử dụng kinh phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

Luq.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Đối tượng và phạm vi thực hiện

1- Đối tượng thực hiện: Hội đồng thẩm định, bồi thường giải phóng mặt bằng của tỉnh; Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các huyện, thị xã; các chủ đầu tư xây dựng công trình và cán bộ làm công tác thẩm định, bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư (bao gồm cả các cán bộ được trưng tập và hợp đồng) do cấp có thẩm quyền thành lập theo quy định của pháp luật.

2- Phạm vi thực hiện: Quy định này áp dụng đối với các công trình, dự án có liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (*không áp dụng đối với các dự án di dân tái định cư Thủy điện Tuyên Quang*).

Điều 2: Quy định về nội dung, định mức chi

Ban hành định mức chi phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang trong tổng mức chi theo quy định tại Khoản 6, Điều 4 Nghị định 17/2006/NĐ-CP ngày 27/1/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và Nghị định số 187/2004/NĐ-CP về việc chuyển Công ty Nhà nước thành Công ty cổ phần, cụ thể như sau:

1- Chi hội nghị, công tác phí: Thực hiện đúng quy định tại Thông tư số 118/2004/TT-BTC ngày 8/12/2004 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trong cả nước; một số nội dung chi được quy định cụ thể như sau:

- Chi hội nghị bao gồm:

+ Hội nghị triển khai công tác bồi thường: Thành phần gồm Hội đồng bồi thường và các đối tượng (tổ chức, hộ gia đình và cá nhân) thuộc phạm vi bồi thường.

+ Hội nghị thông qua kết quả kiểm kê hợp xét: Thành phần gồm: Hội đồng bồi thường, chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn, cán bộ địa chính xã, trưởng thôn và các đối tượng bồi thường liên quan.

+ Hội nghị thông báo công khai quyết định thu hồi đất, giá trị dự toán kinh phí được bồi thường, hỗ trợ: Thành phần gồm Hội đồng bồi thường và các đối tượng (tổ chức, hộ gia đình và cá nhân) thuộc phạm vi bồi thường: *ldg*

Thời gian tổ chức hội nghị: Tuỳ theo đặc điểm quy mô từng dự án, công trình nhưng phải trên cơ sở khoa học, chất lượng, tiết kiệm và hiệu quả.

Chi hỗ trợ tiền ăn (chi tính cho đại biểu không hưởng lương từ ngân sách Nhà nước) với mức hỗ trợ 10.000 đồng/ người/ ngày.

Chi tiền nước uống: 1.000 đồng/ người/ ngày (tính cho tất cả đại biểu dự họp).

- Chi công tác phí: Tuỳ điều kiện cụ thể và mức kinh phí của từng dự án, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giải phóng mặt bằng quyết định chi cho cán bộ đi công tác tại thực địa theo một trong hai mức:

+ Mức khoán: Thực hiện cơ chế khoán công tác phí đối với cán bộ tự túc phương tiện đi công tác với mức 150.000 đồng/ người/ tháng thực tế làm công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ngoài thực địa trong trường hợp phải đi công tác lưu động trên 15 ngày/tháng;

+ Hỗ trợ tiền xăng xe đi công tác: Nếu cán bộ đi công tác tự túc phương tiện (Đi bằng xe máy), hỗ trợ theo giá cước vận tải ô tô hành khách thông thường tại địa phương cho số Km thực đi của đoạn đường, đối với đoạn đường thuộc vùng núi cao được thanh toán tối đa gấp 2 lần giá cước vận tải ô tô hành khách thông thường tại địa phương nơi cán bộ đi công tác;

2- Chi làm thêm giờ: Căn cứ bảng kê chi tiết số giờ thực tế làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ trong tháng có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức viên chức để chi trả theo đúng quy định tại Thông tư số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ công chức, viên chức.

3- Chi hỗ trợ cán bộ trực tiếp làm công tác bồi thường giải phóng mặt bằng:

- Mức chi 20.000 đồng/ngày/người đối với những ngày làm công tác kiểm kê thực tế về đất và tài sản gắn liền với đất bị thu hồi ở ngoài thực địa; Mức chi 15.000 đồng/ngày/người đối với những ngày làm công tác thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ngoài thực địa, Cụ thể:

+ Dự án có từ 01 đến 50 hộ phải bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; thời gian hỗ trợ cho những ngày làm công tác kiểm kê thực tế tối đa không quá 15 ngày; hỗ trợ cho những ngày làm công tác thẩm định thực tế ngoài hiện trường (nếu có) không quá 5 ngày;

+ Dự án có từ 50 đến 100 hộ phải bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; thời gian hỗ trợ cho những ngày làm công tác kiểm kê thực tế tối đa không quá 25 ngày; hỗ trợ cho những ngày làm công tác thẩm định thực tế ngoài hiện trường (nếu có) không quá 8 ngày;

CA.

+ Dự án có từ 101 hộ trở lên phải bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; thời gian hỗ trợ cho những ngày làm công tác kiểm kê thực tế tối đa không quá 30 ngày; hỗ trợ cho những ngày làm công tác thẩm định thực tế ngoài hiện trường (nếu có) không quá 10 ngày;

Thực hiện các nội dung chi trên phải có bảng chấm công theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước cho từng loại công việc. Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc kê khai số ngày làm việc của các thành viên trong Hội đồng.

4- Chi phí văn phòng phẩm, tài liệu (In tờ khai, biên bản kiểm kê, hồ sơ nhà đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các giấy tờ khác có liên quan), tính theo nhu cầu thực tế cần thiết phải chi của từng công trình, dự án.

5- Trong trường hợp Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng phải thuê văn phòng, trang thiết bị làm việc thì được chi tiền thuê văn phòng, trang thiết bị làm việc theo hợp đồng thuê thực tế và đơn giá quy định hiện hành tại địa phương.

6- Chi cho công tác thẩm định và phê duyệt phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giải phóng mặt bằng:

6.1- Mức chi cho công tác thẩm định và phê duyệt phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giải phóng mặt bằng được tính bằng số tuyệt đối hoặc tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng giá trị dự toán bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giải phóng mặt bằng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể như sau:

- Đối với công trình, dự án có giá trị dự toán chi bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giải phóng mặt bằng được duyệt dưới 200 triệu đồng là 500.000 đồng;

- Đối với công trình, dự án có giá trị dự toán chi bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giải phóng mặt bằng được duyệt Từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng là 0,25 %;

- Đối với công trình, dự án có giá trị dự toán chi bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giải phóng mặt bằng được duyệt Từ 500 triệu đồng đến dưới 1.000 triệu đồng là 0,2%;

- Đối với công trình, dự án có giá trị dự toán chi bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giải phóng mặt bằng được duyệt từ 1.000 triệu đến dưới 5.000 triệu đồng là 0,15 %;

- Đối với công trình, dự án có giá trị dự toán chi bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giải phóng mặt bằng được duyệt Từ 5.000 triệu đồng đến dưới 10.000 triệu đồng là 0,1 %;

lđđ.

- Đối với công trình, dự án có giá trị dự toán chi bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giải phóng mặt bằng được duyệt từ 10.000 triệu đồng trở lên là 0,07%.

6.2- Mức chi cho công tác thẩm định và phê duyệt phương án, dự toán bồi thường nêu trên được coi là 100% và được sử dụng như sau:

a/ 30% sử dụng chi thanh toán dịch vụ công cộng, thông tin liên lạc, vật tư văn phòng phẩm, sửa chữa, mua sắm tài sản máy móc, thiết bị, công tác phí, hội nghị, hội thảo với các cơ quan liên quan phục vụ công tác thẩm định phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; mức chi theo chế độ quy định hiện hành của Nhà nước.

b/ 40% chi làm đêm, thêm giờ cho những người tham gia thẩm định phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; mức chi theo chế độ quy định hiện hành của Nhà nước.

c/10% Chi cho công tác phê duyệt phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng.

d/ 20% sử dụng để chi khen thưởng cho người thực hiện tốt nhiệm vụ được giao về công tác thẩm định, phê duyệt phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Mức chi cho một người một năm bình quân không quá 3 tháng lương theo ngạch, bậc hiện hưởng (bao gồm cả phụ cấp lương theo quy định).

đ/ Các mục chi tại tiết a, tiết b, đến cuối niên độ ngân sách (ngày 31/12 hàng năm) nếu chi không hết được chuyển sang sử dụng để chi khen thưởng.

Tổng mức chi cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư không quá 2% tổng số kinh phí bồi thường, hỗ trợ của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cấp huyện, thị xã khi thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của nhiều dự án trên địa bàn thì được phép điều hoà mức kinh phí được trích giữa các dự án để sử dụng cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho phù hợp với khối lượng công việc thực tế phải thực hiện đối với từng dự án; nhưng phải bảo đảm tổng số kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của các dự án được giao thực hiện không vượt quá tổng số kinh phí được trích theo quy định của các dự án đó.

Điều 3: Lập, chấp hành và quyết toán

Việc lập dự toán, kế toán và quyết toán các nội dung chi tại Điều 1 Quyết định này thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước; Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị định 17/2006/NĐ-CP ngày 27/1/2006 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và Nghị định số

14/

187/2004/NĐ-CP về việc chuyển Công ty Nhà nước thành Công ty cổ phần; Thông tư số 116/2004/TT-BTC ngày 7/12/2004; Thông tư số 69/2006/TT-BTC ngày 02/8/2006 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 116/2004/TT-BTC ngày 7/12/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Các Ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành của tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã; Chủ tịch Hội đồng thẩm định, bồi thường giải phóng mặt bằng của tỉnh, Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các huyện, thị xã; các chủ đầu tư xây dựng công trình; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi **nhận** : *CA*

- Văn phòng Chính phủ
- Bộ Tài chính
- Bộ Tài nguyên và MT
- Thường trực Tỉnh ủy
- Thường trực HĐND tỉnh
- Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp
- Đoàn Đại biểu Quốc hội địa phương
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh
- Như Điều 4 (Thi hành)
- Các Ban Đảng của Tỉnh ủy
- Các Ban của HĐND tỉnh
- Các Phó chánh Văn phòng UBND tỉnh
- CV: TH, TC, XD, GT, TL;
- Lưu VT (Hoa TC 100)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

(Báo
cáo)



Lê Thị Quang